

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỸ TÚ  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/DS-ST

Ngày: 11-7-2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thu Hồng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đặng Duy Tân.

Ông Lý Thanh Chiều.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú tham gia phiên tòa:** Bà Triệu Thị Mộng Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 84/2021/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2021 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2022/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2022/QĐST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2022; Thông báo về việc thay đổi lịch xét xử số: 61/TB-TA ngày 23 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị T;

Địa chỉ: Ấp Ph, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Hoàng Ph và bà Lê Thị Lệ T;

Cùng địa chỉ: Ấp Ph, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Lê Thị Tuyết N;

Địa chỉ: Ấp Ph, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; Chỗ ở hiện nay: Ấp Th, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 17-11-2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Vào ngày 09 tháng 6 năm 2020 (âm lịch), bà Nguyễn Thị T có cho vợ chồng ông Nguyễn Hoàng Ph và bà Lê Thị Lệ T vay số tiền 100.000.000 đồng có thỏa thuận mức lãi suất là 1,5%/tháng, nhưng không ghi vào Biên nhận, vợ chồng ông Nguyễn Hoàng Ph, bà Lê Thị Lệ T hẹn vài tháng có tiền sẽ trả cho bà T. Việc vay tiền có lập Biên nhận ngày 09 tháng 6 năm 2020 (âm lịch) và có chữ ký của ông Phương, bà Thu.

Đến ngày 09 tháng 7 năm 2020 (âm lịch) ông Nguyễn Hoàng Ph, bà Lê Thị Lệ T trả cho bà Nguyễn Thị T được 20.000.000 đồng tiền nợ gốc và 1.500.000 đồng tiền lãi. Đến ngày 09 tháng 8 năm 2020 (âm lịch), ông Nguyễn Hoàng Ph, bà Lê Thị Lệ T tiếp tục trả cho bà Nguyễn Thị T được 23.000.000 đồng tiền gốc và 1.200.000 đồng tiền lãi. Sau đó ông Nguyễn Hoàng Ph, bà Lê Thị Lệ T trả cho bà Nguyễn Thị T được 06 (sáu) tháng tiền lãi đến tháng 02-2021 thì ngưng, mỗi tháng trả được 800.000 đồng. Tổng cộng vợ chồng ông Nguyễn Hoàng Ph, bà Lê Thị Lệ T trả cho bà Nguyễn Thị T được 43.000.000 đồng tiền gốc vay và 7.500.000 đồng tiền lãi. Mặc dù, bà Nguyễn Thị T đã nhiều lần đến gặp vợ chồng ông Nguyễn Hoàng Ph, bà Lê Thị Lệ T yêu cầu trả số tiền nợ còn lại, nhưng ông Nguyễn Hoàng Ph, bà Lê Thị Lệ T đến nay vẫn không trả cho bà Nguyễn Thị T.

Nay bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Hoàng Ph và bà Lê Thị Lệ T trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền gốc vay là: 57.000.000 đồng, không yêu cầu ông Nguyễn Hoàng Ph và bà Lê Thị Lệ T trả tiền lãi.

*Tại Biên bản hòa giải lập ngày 29 tháng 12 năm 2021 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Hoàng Ph, bà Lê Thị Lệ T trình bày:*

Thừa nhận vào ngày 09 tháng 6 năm 2020 (âm lịch) có vay của bà Nguyễn Thị T số tiền 100.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 2.5%/tháng, không ghi vào Biên nhận. Khi vay hai bên có làm biên nhận tiền lập ngày 09 tháng 6 năm 2020 (âm lịch), “chữ ký tên Nguyễn Hoàng Ph, Lê Thị Lệ T trong Biên nhận là của ông Nguyễn Hoàng Ph và bà Lê Thị Lệ T”.

Sau khi vay tiền thì ông Nguyễn Hoàng Ph, bà Lê Thị Lệ T trả cho bà Nguyễn Thị T được các khoản tiền cụ thể như sau: Ngày 02-8-2020 (âm lịch) trả cho bà Nguyễn Thị T 30.000.000 đồng (người nhận là bà Nguyễn Thị T); Ngày 02-9-2020 (âm lịch) trả cho bà Nguyễn Thị T 10.000.000 đồng (người nhận là bà Nguyễn Thị T); Ngày 02-10-2020 (âm lịch) trả cho bà Nguyễn Thị T 8.000.000 đồng (người nhận là bà Nguyễn Thị T); Ngày 4-10-2020 (âm lịch) trả cho bà Nguyễn Thị T 2.000.000 đồng (người nhận là Lê Thị Tuyết N con ruột của bà Nguyễn Thị T). Tổng cộng bà Lê Thị Lệ T và ông Nguyễn Hoàng Ph trả cho bà Nguyễn Thị T được 50.000.000 đồng tiền gốc và 25.000.000 đồng tiền lãi đến ngày 09-3-2021 (âm lịch) thì ngưng đến nay. Hiện nay bà Lê Thị Lệ T và ông Nguyễn Hoàng Ph còn nợ của bà Nguyễn Thị T 50.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi từ tháng 4-2021 đến nay. Các lần trả tiền gốc vay và tiền lãi thì ông Nguyễn Hoàng

Ph, bà Lê Thị Lệ T không có làm Biên nhận. Nay trước yêu cầu của bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Hoàng Ph, bà Lê Thị Lệ T trả số tiền gốc vay 57.000.000 đồng thì vợ chồng ông Nguyễn Hoàng Ph, bà Lê Thị Lệ T không đồng ý, ông Phung, bà Thu chỉ thống nhất hiện nay còn nợ của bà Nguyễn Thị T 50.000.000 đồng tiền gốc, chứ không phải là 57.000.000 đồng tiền gốc như lời trình bày của bà Nguyễn Thị T. Do hoàn cảnh kinh tế hiện nay gia đình của ông Nguyễn Hoàng Ph, bà Lê Thị Lệ T gặp khó khăn nên yêu cầu được trả số tiền 50.000.000 đồng theo hàng tháng cho đến khi tất số nợ 50.000.000 đồng.

*Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bà Lê Thị Tuyết N trình bày:*

Bà Lê Thị Tuyết Nga là con ruột của bà Nguyễn Thị T cũng là hàng xóm với vợ chồng ông Nguyễn Hoàng Ph và bà Lê Thị Lệ T. Bà Nguyễn Thị Tuyết Nga có biết việc ông Nguyễn Hoàng Ph, bà Lê Thị Lệ T vay tiền 100.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị T, khi vay thì giữa bà Nguyễn Thị T và vợ chồng ông Nguyễn Hoàng Ph, bà Lê Thị Lệ T có lập Biên nhận ngày 09 tháng 6 năm 2020 (âm lịch). Sau khi vay thì vợ chồng ông Nguyễn Hoàng Ph, bà Lê Thị Lệ T trả cho bà Nguyễn Thị T được 50.000.000 đồng tiền gốc vay và 7.500.000 đồng tiền lãi. Hiện nay ông Nguyễn Hoàng Ph, bà Lê Thị Lệ T còn nợ lại bà Nguyễn Thị T 50.000.000 đồng tiền gốc. Còn việc ông Nguyễn Hoàng Ph, bà Lê Thị Lệ T cho rằng vào ngày 04 -10 -2020 (âm lịch) có trả cho bà Nguyễn Thị T được 2.000.000 đồng tiền gốc vay và người nhận tiền là bà Lê Thị Tuyết N, thì vào ngày hôm đó bà Lê Thị Tuyết N có nhận của bà Lê Thị Lệ T 2.000.000 đồng nhưng đó là khoản tiền khác bà Lê Thị Lệ T nợ của bà Lê Thị Tuyết N, không liên quan gì đến khoản nợ ông Nguyễn Hoàng Ph, bà Lê Thị Lệ T nợ của bà Nguyễn Thị T.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ cũng như gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, buộc bị đơn ông Nguyễn Hoàng Ph, bà Lê Thị Lệ T trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền gốc vay 57.000.000 đồng. Do nguyên đơn bà Nguyễn Thị T không yêu cầu các bị đơn ông Nguyễn Hoàng Ph, bà Lê Thị Lệ T trả tiền lãi nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Hoàng Ph, bà Lê Thị Lệ T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần

thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các bị đơn ông Nguyễn Hoàng Ph, bà Lê Thị Lệ T.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu các bị đơn ông Nguyễn Hoàng Ph, bà Lê Thị Lệ T trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền gốc vay 57.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi theo Biên nhận lập ngày 09 tháng 6 năm 2020 (âm lịch) nên căn cứ vào Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”. Các bị đơn ông Nguyễn Hoàng Ph, bà Lê Thị Lệ T có địa chỉ cư trú tại ấp Ph, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T đã cung cấp bản chính Biên nhận lập ngày 09 tháng 6 năm 2020 (âm lịch) có chữ ký, chữ viết của các bị đơn ông Nguyễn Hoàng Ph, bà Lê Thị Lệ T, nội dung Biên nhận tiền thể hiện các bị đơn ông Nguyễn Hoàng Ph, bà Lê Thị Lệ T đã vay của bà Nguyễn Thị T số tiền 100.000.000 đồng vào ngày ngày 09 tháng 6 năm 2020 (âm lịch) và cũng được các bị đơn ông Nguyễn Hoàng Ph, bà Lê Thị Lệ T thừa nhận tại Biên bản hòa giải lập ngày 29 tháng 12 năm 2021 và Biên bản lấy lời khai lập ngày 07 tháng 02 năm 2022, do đó căn cứ vào Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 “*Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh*”. Đối với Biên nhận lập ngày 09 tháng 6 năm 2020 (âm lịch) nguyên đơn bà Nguyễn Thị T cung cấp cho Tòa án không xác định thời hạn trả nợ và đây là bản chính có chữ ký, chữ viết của các bị đơn ông Nguyễn Hoàng Ph, bà Lê Thị Lệ T nên phù hợp với quy định tại Điều 93 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 quy định về chứng minh. Từ khi vay đến nay các bị đơn ông Nguyễn Hoàng Ph, bà Lê Thị Lệ T trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị T được tổng cộng 50.500.000 đồng (trong đó trả tiền gốc vay 43.000.000 đồng, tiền lãi 7.500.000 đồng). Như vậy, có căn cứ xác định giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và các bị đơn ông Nguyễn Hoàng Ph, bà Lê Thị Lệ T có giao kết hợp đồng để vay số tiền 100.000.000 đồng theo Biên nhận lập ngày 09 tháng 6 năm 2020 (âm lịch), các bên tiến hành giao kết hợp đồng trên nguyên tắc tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, nhưng sau đó các bị đơn ông Nguyễn Hoàng Ph, bà Lê Thị Lệ T không tiếp tục trả tiền gốc và lãi cho nguyên đơn theo như thỏa thuận. Do đó, các bị đơn ông Nguyễn Hoàng Ph, bà Lê Thị Lệ T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 351; khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.2] Tại Biên bản hòa giải lập ngày 29 tháng 12 năm 2021 cũng Biên bản lấy lời khai lập ngày 07 tháng 02 năm 2022 các bị đơn ông Nguyễn Hoàng Ph, bà Lê Thị Lệ T cho rằng đã trả cho bà Tới được 50.000.000 đồng tiền gốc và 25.000.000 đồng tiền lãi. Hiện nay chỉ còn nợ lại bà Nguyễn Thị T 50.000.000 đồng tiền gốc và trả tiền lãi từ tháng 4 năm 2021 đến nay, nhưng các bị đơn ông Nguyễn Hoàng Ph, bà Lê Thị Lệ T đều trình bày khi trả nợ thì không có làm

Biên nhận. Đến ngày 25 tháng 01 năm 2022 Tòa án có ra văn bản số 08/TB-TA yêu cầu các bị đơn ông Nguyễn Hoàng Ph, bà Lê Thị Lệ T cung cấp các tài liệu, chứng cứ thể hiện trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị T 50.000.000 đồng tiền gốc vay và 25.000.000 đồng tiền lãi, nhưng các bị đơn ông Nguyễn Hoàng Ph, bà Lê Thị Lệ T không cung cấp được cho Tòa án.

Còn việc bà Lê Thị Lệ T cho rằng vào tháng 4 năm 2021 có trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 2.000.000 đồng, người nhận là bà Lê Thị Tuyết N. Sau đó Tòa án có đưa bà Lê Thị Tuyết N vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, Tòa án có tổng đạt thông báo vụ lý vụ án bổ sung người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng số 125/TB-TLVABS ngày 14 tháng 4 năm 2022; Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cùng giấy triệu tập; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ số: 01/TB-TA ngày 16 tháng 5 năm 2022 nhưng các bị đơn ông Nguyễn Hoàng Ph, bà Lê Thị Lệ T đều không có ý kiến gì đối với các vấn đề trên, không có văn bản trả lời cho Tòa án, không đưa ra chứng cứ và không tham gia phiên họp nhưng không vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan nên căn cứ theo khoản 2, khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án để giải quyết, nếu các bị đơn ông Nguyễn Hoàng Ph, bà Lê Thị Lệ T muốn khởi kiện bà Lê Thị Tuyết N đối với số tiền 2.000.000 đồng trên thì sẽ khởi kiện thành một vụ án khác.

Từ những cơ sở trên xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T buộc các bị đơn ông Nguyễn Hoàng Ph, bà Lê Thị Lệ T trả số tiền gốc 57.000.000 đồng theo Biên nhận lập ngày 09 tháng 6 năm 2020 (âm lịch) là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về lãi suất: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T không yêu cầu các bị đơn ông Nguyễn Hoàng Ph, bà Lê Thị Lệ T trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Các bị đơn ông Nguyễn Hoàng Ph, bà Lê Thị Lệ T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2, khoản 4 Điều 91; Điều 147; khoản 2 Điều 219; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 235; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ Điều 351; Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T. Buộc các bị đơn ông Nguyễn Hoàng Ph, bà Lê Thị Lệ T trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị T số tiền vay 57.000.000 đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu Thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng các bị đơn ông Nguyễn Hoàng Ph, bà Lê Thị Lệ T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải Thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí. Bà Nguyễn Thị T được miễn nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo Thông báo số 48/TB-TA ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

Các bị đơn ông Nguyễn Hoàng Ph, bà Lê Thị Lệ T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.850.000 đồng.

3. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Tuyết N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với các bị đơn ông Nguyễn Hoàng Ph, bà Lê Thị Lệ T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014.

**Nơi nhận**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (Phòng KTNV&THA);
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thu Hồng**









